

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 367/2020/DS-PT
Ngày: 25-9-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngọc Yến
Các Thẩm phán: Ông Lưu Văn Uẩn
Ông Lê Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Vĩnh, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 và 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 369/2020/TLPT-DS ngày 11 tháng 8 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 396/2020/QĐ-PT ngày 26 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị N, sinh năm 1982.

Địa chỉ: ấp C, xã V, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Bình Đ, sinh năm 1975.

Bà Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: ấp CB, xã V, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Bình Đ.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27 tháng 8 năm 2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 11/9/2019 và quá trình tham gia tố tụng tại tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn bà Ngô Thị N trình bày:

Năm 2018, ông Nguyễn Bình Đ có hỏi vay của bà số tiền 950.000.000 đồng để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất với lãi suất 4.000 đồng/ngày/01triệu. Do bà không có đủ tiền đưa một lần, nên ngày 06/8/2018 AL (nhằm ngày 17/9/2018 DL) bà có đưa trước cho ông Đ vay số tiền 450.000.000 đồng. Đến ngày 15/8/2018 AL (nhằm ngày 24/9/2018 DL) bà cho ông Đ vay số tiền còn lại là 500.000.000 đồng. Mỗi lần bà cho ông Đ vay tiền, ông Đ đều có ký biên nhận với bà, cụ thể như sau:

Đối với biên nhận ngày 06/8/2018 AL, số tiền 450.000.000 đồng, chữ viết trong biên nhận là của bà, chữ ký là của ông Đ.

Đối với biên nhận ngày 15/8/2018 AL, số tiền 500.000.000 đồng, chữ viết là của bà Trần Thị Thúy H, bà nhờ bà H viết dùm, mục đích là để bà H biết được việc vay tiền giữa bà và ông Đ. Riêng chữ viết năm trăm triệu đồng chẵn và ghi số tiền 500.000.000 đồng là do bà viết, sau đó ông Đ nhận tiền và ký vào biên nhận.

Khi giao dịch cho vay tiền hai lần giữa bà và ông Đ không có mặt bà Nguyễn Thị Bích L là vợ của ông Đ. Bà khẳng định trước, trong khi giao dịch bà cũng chưa biết vợ ông Đ và cũng không thông báo cho bà L biết việc ông Đ có mượn tiền của bà. Nguồn tiền bà cho ông Đ vay 950.000.000 đồng là tiền bà vay của Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, phòng giao dịch Vĩnh Hưng; vay của bà Phạm Thị G, bà Nguyễn Lý Quỳnh N, bà Ngô Thị Sô N và tiền của gia đình. Bà xác định từ khi ông Đ vay tiền của bà đến nay, ông Đ chưa có trả tiền gốc và tiền lãi cho bà.

Nay bà yêu cầu ông Nguyễn Bình Đ, bà Nguyễn Thị Bích L có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền 950.000.000 đồng và lãi suất 1,65%/tháng tính từ ngày vay đến khi giải quyết xong vụ án.

Tại các biên bản lấy lời khai và quá trình tham gia tố tụng tại tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Bình Đ trình bày:

Ông Nguyễn Bình Đ không thừa nhận có vay của bà N 950.000.000 đồng, nhưng ông thừa nhận có ký hai biên nhận nợ có mẫu sẵn. Trong đó, một biên nhận 06/8/2018 AL số tiền 450.000.000 đồng không có viết chữ, một biên nhận ngày 15/8/2018 AL số tiền 500.000.000 đồng do bà H viết nhưng không có ghi số tiền bằng chữ và số tiền. Đối với biên nhận ngày 15/8/2018 AL số tiền 500.000.000 đồng do bà H viết tại huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, sau đó về tới nhà bà H ông có ký vào biên nhận nhưng khi ông ký không có ghi rõ số tiền. Việc ký hai biên nhận của ông là do ông quen biết, có mối quan hệ tình cảm và đi du lịch ở Phú Quốc chung với bà N. Ông xác định việc ông ký biên nhận nhằm che giấu sự phát hiện của vợ ông về mối quan hệ giữa ông và bà N. Nay ông không đồng ý liên đới với bà Nguyễn Thị Bích L trả cho bà Ngô Thị N số tiền 950.000.000 đồng và lãi suất 1,65%/tháng tính từ ngày vay đến khi giải quyết xong vụ án theo yêu cầu của bà N.

Tại biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Bích L trình bày:

Ông Nguyễn Bình Đ là chồng của bà, ông Đ và bà N có mối quan hệ tình cảm riêng, sợ bà phát hiện tình cảm của hai người nên ông Đ có ký hai biên nhận mượn tiền, trên thực tế là không có nhận số tiền 950.000.000 đồng.

Ông Đ, bà N có giao dịch số tiền 950.000.000 đồng là số tiền lớn nên bà N cho ông Đ mượn thì bà N phải cho bà biết, đồng thời gia đình bà cũng không có việc gì cần số tiền trên. Ngoài ra, việc khởi kiện của bà N không hợp lý vì biên nhận vay tiền sau lại khởi kiện trước, sau đó mới khởi kiện bổ sung số tiền mượn trước là 450.000.000 đồng. Nay bà không đồng ý liên đới với ông Nguyễn Bình Đ trả tiền vay 950.000.000 đồng và lãi suất phát sinh 1,65%/tháng tính từ ngày vay đến khi giải quyết xong vụ án theo yêu cầu của bà N.

Tại biên bản ghi lời khai bà Trần Thị Thúy H trình bày:

Vợ chồng bà và bà N, ông Đ đi chơi ở huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Sau đó, bà N có yêu cầu bà viết dùm biên nhận có mẫu sẵn nên bà có viết chữ nội dung trong mẫu: Tên tuổi, địa chỉ, số chứng minh của bà N, ông Đ và ngày viết biên nhận là ngày 15/8/2018. Bà có hỏi tại sao phải viết biên nhận, bà N bảo viết biên nhận là để che giấu vợ ông Đ, không để vợ ông Đ phát hiện đi chơi chung, ngoài ra bà không biết gì thêm. Đồng thời, bà xin giải quyết vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An đã tiến hành hòa giải tranh chấp giữa các bên nhưng kết quả không thành.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 280, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 44, 45 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Ngô Thị N đối với ông Nguyễn Bình Đ về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Ông Nguyễn Bình Đ phải có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị N tổng số tiền 1.114.353.500 đồng (950.000.000 đồng tiền gốc + 164.353.500 đồng tiền lãi = 1.114.353.500 đồng).

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị N về việc yêu cầu ông Nguyễn Bình Đ trả số tiền lãi là 162.374.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị N về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Bích L liên đới với ông Nguyễn Bình Đ trả nợ vay và lãi suất cho bà N.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Bình Đ phải chịu 45.431.000 đồng (đã làm tròn) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Ngô Thị N phải chịu 8.119.000 đồng (đã làm tròn) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 26.500.000 đồng theo các biên lai thu số 0008891 ngày 03/9/2019 và 0008919 ngày 13/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An. Bà N được hoàn trả số tiền chênh lệch là 18.381.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án đối với các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/6/2020 bị đơn ông Nguyễn Bình Đ kháng cáo toàn bộ bản án số 05/2020/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, ông Đ không đồng ý trả cho bà N tổng số tiền 1.114.353.500 đồng (trong đó 950.000.000 đồng tiền gốc, 164.353.500 đồng tiền lãi) vì ông Đ không có vay tiền của bà N.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau, nguyên đơn bà Ngô Thị N vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Nguyễn Bình Đ và bà Nguyễn Thị Bích L liên đới trả cho bà tổng số tiền 1.114.353.500 đồng (trong đó có 950.000.000 đồng tiền gốc + 164.353.500 đồng tiền lãi). Ông Đ và bà L không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà N vì ông bà không có vay tiền của bà N.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Bà Ngô Thị N khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Bình Đ và bà Nguyễn Thị Bích L liên đới trả cho bà tổng số tiền 1.114.353.500 đồng (trong đó có 950.000.000 đồng tiền gốc + 164.353.500 đồng tiền lãi) của hai biên nhận nợ ngày 06/8/2018 AL và ngày 15/8/2018 AL. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà N cũng thừa nhận có đi chơi chung Phú Quốc với vợ chồng bà Thúy H và ông Đ. Bà H xác định có viết dùm bà N giấy nợ ngày 15/8/2018 phân họ tên, chứng minh nhân dân, địa chỉ của ông Đ, không thấy ghi số tiền và thấy bà N đưa ông Đ ký tên vào. Bà N trình bày ngày hôm sau là ngày 16/8/2020, bà N đưa tiền cho ông Đ thì bà ghi số tiền 500.000.000 đồng bằng số và bằng chữ vào. Cho nên lời trình bày của bà N có cho ông Đ vay 500.000.000 đồng theo biên nhận nợ ngày 15/8/2020 là không có căn cứ thuyết phục. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đ, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng: Buộc ông Đ trả cho bà N số tiền 450.000.000 đồng vốn vay và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Bình Đ được thực hiện đúng quy định tại Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự và được gửi đến Tòa án trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Ngô Thị N khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với ông Nguyễn Bình Đ và bà Nguyễn Thị Bích L. Các đương sự đều có nơi cư trú tại huyện Tân Hưng nên Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét kháng cáo của ông Nguyễn Bình Đ: ông Đ kháng cáo không đồng ý trả cho bà N tổng số tiền 1.114.353.500 đồng (trong đó 950.000.000 đồng tiền gốc, 164.353.500 đồng tiền lãi) vì ông Đ không có vay tiền của bà N, thấy rằng:

[3.1] Ông Đ không thừa nhận có vay của bà N tổng số tiền 950.000.000 đồng (Chín trăm năm mươi triệu đồng) như bà N trình bày. Việc ông Đ ký hai biên nhận nợ là do ông có quan hệ tình cảm và hai lần đi du lịch Phú Quốc chung với bà N và gia đình bà H nên ông ký hai biên nhận nợ không ghi nội dung và số tiền vay theo yêu cầu của bà N nhằm che giấu sự phát hiện của vợ ông là bà L. Sau này, ông và bà N không đi chơi chung với nhau nữa nên bà N tự ý ghi số tiền vay vào hai biên nhận nợ chứ thực tế ông không có vay tiền và nhận tiền của bà N.

[3.2] Bà Ngô Thị N cung cấp cho Tòa án hai “Giấy cho mượn tiền” ngày 06/8/2018 và ngày 15/8/2018 giữa bên cho mượn là bà Ngô Thị N và bên mượn là ông Nguyễn Bình Đ. Bà N không thừa nhận có quan hệ tình cảm với ông Đ như lời ông Đ trình bày, cả hai chỉ có quan hệ là bạn thân với nhau. Khi ông Đ hỏi vay tiền của bà, ông Đ nói vay tiền về chuyển nhượng đất, sau 04 tháng làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xong sẽ trả lại tiền cho bà. Lúc đó, bà không có đủ tiền nên phải vay của nhiều người khác và vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, phòng giao dịch huyện Vĩnh Hưng về cho ông Đ vay lại để hưởng chênh lệch với lãi suất 4%/tháng. Lời trình bày này của bà N phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án là vào năm 2018 bà N có vay của bà Phạm Thị G, Nguyễn Lý Quỳnh N, Ngô Thị Sô N và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (đối với khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam bà vay, trả vốn lãi và vay lại trong năm).

[3.3] Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 25/9/2020, người làm chứng bà Trần Thị Thúy H thừa nhận có viết dùm bà N một Biên nhận nợ theo yêu cầu của bà N để ông Đ ký tên, bà H khẳng định khi bà H viết biên nhận nợ dùm thì ông Đ không có nhận tiền. Lời trình bày của bà H phù hợp với lời trình bày của bà N là Giấy cho mượn tiền ngày 15/8/2018, số tiền 500.000.000 đồng do bà N nhờ bà H viết họ tên, năm sinh, số chứng minh nhân dân, địa chỉ của ông Đ, ngày tháng năm 15/8/2018; còn việc ghi bằng số và bằng chữ “500.000.000, năm trăm triệu đồng chẵn” là chữ viết của bà N ghi vào ngày 16/8/2018 trước khi giao cho ông Đ số tiền 500.000.000 đồng tại chợ Vĩnh Thạnh là chỗ buôn bán hàng ngày của bà N. Lời trình bày của bà N phù hợp với Kết luận giám định số 877/2020/KLGĐ ngày 16/9/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An, tại mục 5: Chữ viết “500.000.000” bằng bút bic màu xanh, ở bên phải chữ in “tôi có hỏi mượn số tiền” và chữ viết “năm trăm triệu đồng chẵn” bằng bút bic màu xanh, ở bên phải chữ in trên tờ Giấy cho mượn tiền là được viết thêm sau khi đã viết ra chữ viết ban đầu và được viết ra không cùng một cây bút bic”.

[3.4] Tại Kết luận giám định số 877/2020/KLGĐ ngày 16/9/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An đã kết luận: “Chữ ký và chữ viết Nguyễn Bình Đ bằng bút bic màu xanh, ở mục người nhận tiền trên 02 tờ Giấy cho mượn tiền với chữ ký và chữ viết Nguyễn Bình Đ bằng bút bic màu xanh, ở mục người làm đơn trên tờ Đơn yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết là do cùng một người ký và viết ra”.

Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đ đều thừa nhận “Giấy cho mượn tiền” ngày 06/8/2018, số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) và “Giấy cho mượn tiền” ngày 15/8/2018, số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) giữa bên cho mượn là bà Ngô Thị N và bên mượn là ông Nguyễn Bình Đ, “chữ ký” và ghi họ tên “Nguyễn Bình Đ”, mục “người nhận tiền” là do ông Đ viết và ký tên.

Theo nội dung “Giấy cho mượn tiền” ngày 06/8/2018 và ngày 15/8/2018, tuy không ghi rõ bà Ngô Thị N đã giao tổng số tiền 950.000.000 đồng cho ông Nguyễn Bình Đ. Tuy nhiên, nếu thực tế bà N không giao số tiền 950.000.000 đồng cho ông Đ thì các bên đã không xác lập “Giấy cho mượn tiền”. Mặt khác, số tiền 950.000.000 đồng bà N cho ông Đ vay làm hai lần, lần trước cách lần sau 09 ngày. Nếu như bà N không giao số tiền 450.000.000 đồng của lần vay ngày 06/8/2018 thì tại sao ông Đ lại ký giấy vay tiền của bà N lần thứ hai vào ngày 15/8/2020. Đồng thời, hai giấy cho mượn tiền đều có thỏa thuận thời hạn trả nợ sau 04 tháng ông Đ sẽ trả lại đầy đủ số tiền nói trên cho bà N. Nếu chưa giao tiền, các bên căn cứ vào cơ sở nào để xác định ngày bắt đầu cho vay và ngày phải có trách nhiệm trả nợ. Như vậy, lời trình bày của bà N có cho ông Đ vay tiền làm hai lần và đã giao đủ số tiền 950.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Cho nên kháng cáo của ông Nguyễn Bình Đ không có vay tiền và không đồng ý trả cho bà N số tiền 1.114.353.500 đồng (trong đó 950.000.000 đồng tiền gốc, 164.353.500 đồng tiền lãi) là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Về chi phí giám định là 6.200.000 đồng (Sáu triệu hai trăm nghìn đồng), ông Nguyễn Bình Đ là người có yêu cầu giám định và phải chịu chi phí này, ông Đ đã nộp và chi phí xong.

Từ những phân tích trên, không có cơ sở để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Bình Đ, nên giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm có căn cứ chấp nhận một phần.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Bình Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Bình Đ.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

Căn cứ vào các Điều 26, 37, 39, 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 44, 45 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị N đối với ông Nguyễn Bình Đ về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Nguyễn Bình Đ phải có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị N tổng số tiền 1.114.353.500 đồng (Một tỉ một trăm mười bốn triệu ba trăm năm mươi ba nghìn năm trăm đồng), trong đó 950.000.000 đồng tiền vốn gốc và 164.353.500 đồng tiền lãi.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị N về việc yêu cầu ông Nguyễn Bình Đ trả số tiền lãi là 162.374.000 đồng (Một trăm sáu mươi hai triệu ba trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị N về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Bích L liên đới với ông Nguyễn Bình Đ trả tiền vay và tiền lãi cho bà N.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Bình Đ phải chịu 45.431.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu bốn trăm ba mươi một nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm (tiền án phí đã được làm tròn).

Bà Ngô Thị N phải chịu 8.119.000 đồng (Tám triệu một trăm mười chín nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm do không chấp nhận một phần yêu cầu (tiền án phí đã được làm tròn) nhưng khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 26.500.000 đồng theo các biên lai thu số 0008891 ngày 03/9/2019 và 0008919 ngày 13/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An. Bà N được hoàn trả số tiền chênh lệch là 18.381.000 đồng (Mười tám triệu ba trăm tám mươi một nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Bình Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005529 ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An sang thi hành án phí phúc thẩm.

4. Về chi phí giám định là 6.200.000 đồng (Sáu triệu hai trăm nghìn đồng), ông Nguyễn Bình Đ phải chịu chi phí này, ông Đ đã nộp và chi phí xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Tân Hưng;
- Chi cục THADS huyện Tân Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Đinh Thị Ngọc Yến**